

CÔNG TY MẸ
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Báo cáo tài chính được kiểm toán cho năm tài chính
bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 8
3. Báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	9 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 53

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin (Công ty TNHH MTV) dưới đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Công ty mẹ") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100100015 thay đổi lần 8 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.050.000.000.000 đồng được chia thành 105.000.000 cổ phần. Danh sách cổ đông trong năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo này là:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	1.031.157.000.000	98,20%
2	Thẻ nhân là CBCNV Tổng công ty	17.853.000.000	1,70%
3	Cổ đông thẻ nhân nước ngoài	170.000.000	0,02%
4	Các cổ đông khác	820.000.000	0,08%
Cộng		1.050.000.000.000	100%

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Văn phòng Tổng công ty và Báo cáo tài chính của 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015. Chi tiết các đơn vị hạch toán phụ thuộc được trình bày tại Thuyết minh số 1 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp" của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ và 09 công ty cổ phần không được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên:

- Ông Lê Quang Bình
- Ông Trần Hải Bình
- Ông Phạm Đức Thiện
- Ông Phạm Công Đoàn
- Ông Vũ Đình Lân

Chức vụ:

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Ban kiểm soát:

Họ và tên:

- Bà Nguyễn Thị Lương Anh
- Ông Lê Xuân Ngợi
- Ông Phạm Xuân Vinh

Chức vụ:

- Trưởng ban kiểm soát
- Thành viên
- Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên:

- Ông Trần Hải Bình
- Ông Ngô Ngọc Sơn
- Ông Phạm Đức Thiện
- Ông Vũ Đình Lân
- Ông Vũ Minh Tân

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc (*)

(*) Được bổ nhiệm từ ngày 16/11/2015 theo Quyết định số 0375/QĐ-CMV ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

3. Trụ sở

Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP có trụ sở tại số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội. Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ bao gồm:

Các chi nhánh trực thuộc:

- Công ty Than Núi Hồng - VVMI
- Trung tâm Điều dưỡng ngành Than - VVMI
- Công ty Than Na Dương - VVMI
- Công ty Than Khánh Hòa - VVMI

Địa chỉ

- Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên
- Sầm Sơn, Thanh Hoá
- Lạng Sơn
- Thái Nguyên

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính

Ngày 28/01/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cũng cho rằng, ngoài sự kiện nêu trên không còn sự kiện nào cần phải công bố hoặc có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã được kiểm toán của Tổng công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính của Công ty mẹ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty mẹ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác nhận rằng Tổng công ty đã lập Báo cáo tài chính Công ty mẹ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty mẹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong năm tài chính bắt đầu từ

540
TY
HỮU
F
NAM
1-1

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hải Bình

Số: 48 /2016/BCKT/PKF-VPC

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP được lập ngày 23/03/2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 được trình bày từ trang 9 đến trang 53 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và Báo cáo tài chính của bốn (04) đơn vị hạch toán phụ thuộc cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP bao gồm Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và 09 công ty con không được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính

của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư với số tiền phải trích lập thêm là 116.062.174.176 đồng, chi tiết được trình bày tại mục 5.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm. Theo đó, nếu Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trích lập đủ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và thực hiện ghi nhận các khoản đầu tư theo giá trị hợp lý thì chi phí trong năm tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP tăng thêm 116.062.174.176 đồng và lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP sẽ giảm đi tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin được lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính nội dung dưới đây:

Như đã nêu tại mục 4.14 - Thuyết Minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin) nhưng chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn nhà nước của Công ty mẹ chưa được phê duyệt. Theo đó, Công ty

mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP chưa hoàn tất thủ tục bán giao từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0576-2015-242-1



Nguyễn Thị Thương Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1602-2015-242-1



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/10/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		565.108.815.995	641.950.802.100
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.572.464.745	75.248.590.590
Tiền	111		31.572.464.745	11.743.248.390
Các khoản tương đương tiền	112		-	63.505.342.200
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		343.755.476.364	370.353.312.313
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.4	144.885.186.667	137.332.164.960
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.811.904.227	29.136.828.068
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	2.094.290.848
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	136.781.103.931	164.118.367.508
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	44.277.281.539	37.671.660.929
Hàng tồn kho	140	5.6	160.806.931.338	151.120.669.659
Hàng tồn kho	141		160.806.931.338	151.120.669.659
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.973.943.548	45.228.229.538
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	1.161.296.732	4.155.851.146
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.583.739.372	14.925.768.759
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.13	17.228.907.444	26.146.609.633
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.525.598.422.985	1.597.494.609.899
Các khoản phải thu dài hạn	210		90.149.545.602	85.842.131.982
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.3	16.240.894.964	12.883.584.544
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	73.908.650.638	72.958.547.438
Tài sản cố định	220		524.305.662.226	566.445.247.750
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	517.399.246.492	559.480.763.503
- Nguyên giá	222		1.488.477.488.779	1.527.670.468.143
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(971.078.242.287)	(968.189.704.640)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	6.906.415.734	6.964.484.247
- Nguyên giá	228		7.923.035.376	7.923.035.376
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.016.619.642)	(958.551.129)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		101.759.255.185	48.273.667.190
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	101.759.255.185	48.273.667.190
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	484.198.039.974	519.387.328.990
Đầu tư vào công ty con	251		498.039.428.990	498.039.428.990
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.740.000.000	1.740.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.607.900.000	19.607.900.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(35.189.289.016)	-
Tài sản dài hạn khác	260		325.185.919.998	377.546.233.987
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	325.185.919.998	377.546.233.987
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.090.707.238.980	2.239.445.411.999

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/10/2015
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.030.754.160.190	1.264.036.738.687
Nợ ngắn hạn	310		467.535.079.089	640.075.684.382
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	78.959.870.115	76.393.404.439
Người mua trả tiền trước	312		7.280.589.936	152.577.171.352
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	32.648.008.341	13.139.357.727
Phải trả người lao động	314		59.845.632.952	28.099.003.504
Chi phí phải trả	315	5.14	11.828.389.601	27.448.305.253
Doanh thu chưa thực hiện	318	5.16	-	116.253.000
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	8.671.493.983	27.174.670.546
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	232.556.081.134	283.672.000.353
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	34.861.474.922	28.668.771.163
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		883.538.105	2.786.747.045
Nợ dài hạn	330		563.219.081.101	623.961.054.305
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	563.219.081.101	623.961.054.305
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.059.953.078.790	975.408.673.312
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.054.855.682.384	966.911.071.476
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.050.000.000.000	662.126.043.857
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.050.000.000.000	662.126.043.857
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	5.19	-	304.785.027.619
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.855.682.384	-
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.855.682.384	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.097.396.406	8.497.601.836
Nguồn kinh phí	431	5.20	74.890.700	3.139.321.040
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		5.022.505.706	5.358.280.796
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.090.707.238.980	2.239.445.411.999

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Hạnh



Lương Xuân Quang



Trần Hải Bình

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 30/9/2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	528.311.048.199	1.237.273.007.318
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		528.311.048.199	1.237.273.007.318
Giá vốn hàng bán	11	6.2	398.654.114.235	1.027.912.538.353
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		129.656.933.964	209.360.468.965
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.066.564.876	19.771.954.439
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	55.328.059.976	80.047.012.802
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>20.138.770.960</i>	<i>63.081.145.243</i>
Chi phí bán hàng	25	6.7	16.834.575.668	45.136.078.161
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	57.645.294.760	115.836.624.405
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.915.568.436	(11.887.291.964)
Thu nhập khác	31	6.5	2.656.786.333	15.353.131.233
Chi phí khác	32	6.6	2.424.126.660	2.029.987.353
Lợi nhuận khác	40		232.659.673	13.323.143.880
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45		6.148.228.109	1.435.851.916
Chi phí thuế TNDN hiện hành	50	6.8	1.292.545.725	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.855.682.384	1.435.851.916

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Hạnh



Lương Xuân Quang



Trần Hải Bình

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 30/9/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.148.228.109	1.435.851.916
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	42.053.489.364	93.277.177.630
Các khoản dự phòng	03	41.381.992.775	28.668.771.163
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(807.701.022)	(624.576.068)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.416.376.819)	(18.513.419.660)
Chi phí lãi vay	06	20.138.770.960	63.081.145.243
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	103.498.403.367	167.324.950.224
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	17.907.027.355	10.547.886.839
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(9.686.261.679)	(9.361.166.355)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(104.140.432.877)	156.478.000.195
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	55.354.868.403	(82.521.451.387)
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.906.799.861)	(65.857.727.988)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(204.774.613)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.070.984.425	16.044.603.011
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.458.330.340)	(25.690.573.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.639.458.793	166.759.746.693
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(49.248.330.507)	(172.734.371.959)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	81.454.545	381.781.817
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	24.194.627.326	183.663.968.747
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.001.002.553	4.150.827.079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.971.246.083)	15.462.205.684
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	68.509.464.106	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	64.889.904.746	426.793.367.708
Tiền trả nợ gốc vay	34	(176.747.797.169)	(628.094.798.354)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.348.428.317)	(201.301.430.646)

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	50	(43.680.215.607)	(19.079.478.269)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	75.248.590.590	94.322.079.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.089.762	5.989.541
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	31.572.464.745	75.248.590.590

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Hạnh

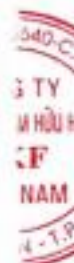
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lương Xuân Quang



Trần Hải Bình



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100100015 thay đổi lần 8 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015, hoạt động chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Công ty mẹ") bao gồm:

- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (điều dưỡng cho cán bộ, công nhân viên ngành than);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).

Ngoài ra, Công ty mẹ không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Tổng công ty có Văn phòng chính đặt tại số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội và các chi nhánh trực thuộc sau đây:

Các chi nhánh trực thuộc:

Công ty Than Núi Hồng - VVMI

Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI

Công ty Than Na Dương - VVMI

Công ty Than Khánh Hòa - VVMI

Địa chỉ

Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên

Sầm Sơn, Thanh Hoá

Lạng Sơn

Thái Nguyên

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số cán bộ nhân viên Công ty mẹ là 2.433 người, trong đó số nhân viên quản lý là 390 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên của Công ty mẹ sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, được bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính của Công ty mẹ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo 43/TKV-KT ngày 06/01/2016 của Tập đoàn cụ thể như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.450 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.540 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.540 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và giá trị thành phẩm tồn kho than cuối năm được xác định theo phương pháp thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản nhận bàn giao từ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin (công ty đã cổ phần hóa) tại ngày 01/10/2015 được ghi nhận theo giá trị bàn giao.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng mới bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng mới bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

phù hợp với hướng Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính nhận bàn giao từ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin (công ty đã cổ phần hóa) tại ngày 01/10/2015 được ghi nhận theo giá trị bàn giao.

Các khoản đầu tư tài chính đầu tư mới được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên kết, liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty liên kết, liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên kết, liên doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009. Riêng hai khoản đầu tư vào công ty con là Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI và Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI chưa được thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo qui định của Thông tư này (chi tiết xem tại Thuyết minh 5.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và các chi phí khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty mẹ và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.11 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản trích trước chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính bao gồm như chi phí lãi vay, chi phí thuê đất, chi phí thuê nhà đã được ước tính trên cơ sở chi phí thực tế theo hợp đồng. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng phải trả về phí sử dụng tài liệu, và Phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho Nhà nước theo sản lượng khai thác đã thực hiện trong năm.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Tổng công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100100015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 8 ngày 01/10/2015, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	1.031.157.000.000	1.031.157.000.000	100%
Thẻ nhân là CBCNV Tổng công ty	17.853.000.000	17.853.000.000	100%
Cổ đông thể nhân nước ngoài	170.000.000	170.000.000	100%
Các cổ đông khác	820.000.000	820.000.000	100%
Cộng	1.050.000.000.000	1.050.000.000.000	100%

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin) nhưng Tổng công ty chưa được phê duyệt chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn nhà nước nên chưa hoàn tất thủ tục bán giao cho công ty cổ phần.

4.15 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty mẹ có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Công ty mẹ đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.

- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

4.16 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Hàng hoá, dịch vụ do Công ty mẹ sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất là 10%.
- Thu nhập phát sinh từ đền bù vận chuyển dự án cải dịch đường sắt Quán Triều - Núi Pháo không chịu thuế GTGT

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

		31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
Tiền mặt	(i)	1.499.020.276	1.673.921.297
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	30.073.444.469	10.069.327.093
Các khoản tương đương tiền		-	63.505.342.200
Cộng		31.572.464.745	75.248.590.590

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2015 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ (USD)	3.466,00 #	77.811.700
Đồng Việt Nam		1.421.208.576
Cộng		1.499.020.276

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2015 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ (USD)	1.476,08 #	33.137.996
Đồng Việt Nam		30.040.306.473
Cộng		30.073.444.469

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2015 (VND)			01/10/2015 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Dài hạn	519.387.328.990	484.198.039.974	(35.189.289.016)	519.387.328.990	519.387.328.990	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	519.387.328.990	484.198.039.974	(35.189.289.016)	519.387.328.990	519.387.328.990	-
- Đầu tư vào Công ty con:	498.039.428.990	468.039.428.990	(30.000.000.000)	498.039.428.990	498.039.428.990	-
Công ty CP Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI	6.077.638.276	6.077.638.276	-	6.077.638.276	6.077.638.276	-
Công ty CP SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI	6.448.658.514	6.448.658.514	-	6.448.658.514	6.448.658.514	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng - VVMI	5.098.192.694	5.098.192.694	-	5.098.192.694	5.098.192.694	-
Công ty CP Vật liệu xây dựng - VVMI	3.972.810.207	3.972.810.207	-	3.972.810.207	3.972.810.207	-
Công ty CP Cơ khí mỏ - VVMI	4.792.950.351	4.792.950.351	-	4.792.950.351	4.792.950.351	-
Công ty CP Xi măng Quỳn Triều - VVMI (*)	212.280.140.000	192.814.140.000	(19.466.000.000)	212.280.140.000	212.280.140.000	-
Công ty CP KS Thái Nguyên - VVMI	3.862.113.711	3.862.113.711	-	3.862.113.711	3.862.113.711	-
Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	55.506.925.237	55.506.925.237	-	55.506.925.237	55.506.925.237	-
Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI (*)	200.000.000.000	189.466.000.000	(10.534.000.000)	200.000.000.000	200.000.000.000	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:	1.740.000.000	1.740.000.000	-	1.740.000.000	1.740.000.000	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu mỏ Việt Bắc	1.740.000.000	1.740.000.000	-	1.740.000.000	1.740.000.000	-

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

	31/12/2015 (VND)		01/10/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
- Đầu tư vào đơn vị khác	19.607.900.000	14.418.610.984	(5.189.289.016)	Giá gốc
Công ty QL quỹ ĐT Sài Gòn Hà Nội (**)	3.000.000.000	3.000.000.000		Giá trị hợp lý
Công ty CP than điện Nông sơn - TKV	15.107.900.000	9.918.610.984	(5.189.289.016)	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Hà Nội (**)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	
Cộng	519.387.328.990	484.198.039.974	(35.189.289.016)	519.387.328.990
				519.387.328.990

(*) Tại ngày 31/12/2015, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là 266.217.965.823 đồng, thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư với tổng số tiền là 146.062.174.176 đồng. Tuy nhiên, dựa trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 (đã bắt đầu có lợi nhuận) và kế hoạch kinh doanh của các năm tiếp theo của 02 (hai) công ty con này, Tổng công ty ước tính phần giá trị thấp hơn của các khoản đầu tư này sẽ được bù đắp bằng lợi nhuận của các năm tiếp theo, và chỉ thực hiện trích lập một phần Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này với số tiền là 30.000.000.000 đồng. Theo đó, số trích lập dự phòng còn thiếu so với quy định hiện hành là 116.062.174.176 đồng. Chi tiết như sau:

Tên đơn vị được đầu tư	Vốn chủ sở hữu thực có của công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị hợp lý của khoản đầu tư	Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư	Mức trích lập dự phòng các khoản đầu tư	Dự phòng Công ty mẹ đã trích lập	Mức trích lập dự phòng còn thiếu
B	C	D	E=C x D	F	G	H	I=(G-H)
Công ty CP xi măng Quán Triều - VVMI	126.630.234.620	84,91%	107.521.732.216	212.280.140.000	(104.758.407.784)	(19.466.000.000)	(85.292.407.784)
Công ty CP xi măng Tân Quang - VVMI	277.732.295.428	57,14%	158.696.233.608	200.000.000.000	(41.303.766.392)	(10.534.000.000)	(30.769.766.392)
Tổng cộng	404.362.530.048		266.217.965.824	412.280.140.000	(146.062.174.176)	(30.000.000.000)	(116.062.174.176)

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

(**) Tổng công ty đang thực hiện thoái vốn tại Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Hà Nội theo Nghị quyết số 0028/NQ - HĐQT ngày 17/10/2015 của Hội đồng quản trị. Hiện Tổng công ty đã đăng báo bán đấu giá cổ phần trên Báo Hà Nội.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2015:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Dầu tư vào công ty con:				
Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất kinh doanh cơ khí
Công ty CP Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty CP Đầu tư và xây dựng - VVMI	Hà Nội	51,00%	51,00%	Xây dựng, lắp đặt
Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Lạng Sơn	51,00%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Thái Nguyên	51,00%	51,00%	Sửa chữa, chế tạo thiết bị cơ khí
Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	Thái Nguyên	84,91%	84,91%	Sản xuất xi măng
Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Thái Nguyên	51,00%	51,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	Thái Nguyên	51,38%	51,38%	Sản xuất xi măng
Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Tuyên Quang	57,14%	57,14%	Sản xuất xi măng
Dầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Xuất nhập khẩu mỏ Việt Bắc	Hà Nội	29,00%	29,00%	Kinh doanh vật tư, thiết bị

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.3 Phải thu về cho vay

	31/12/2015 (VND)			01/10/2015 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	136.781.103.931	136.781.103.931	-	164.118.367.508	164.118.367.508	-
Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI	6.209.928.682	6.209.928.682	-	9.302.235.890	9.302.235.890	-
Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	117.046.910.903	117.046.910.903	-	130.080.567.177	130.080.567.177	-
Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	13.524.264.346	13.524.264.346	-	24.735.564.441	24.735.564.441	-
Dài hạn	16.240.894.964	16.240.894.964	-	12.883.584.544	12.883.584.544	-
Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	13.207.019.980	13.207.019.980	-	-	-	-
Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	3.033.874.984	3.033.874.984	-	12.883.584.544	12.883.584.544	-
Cộng	153.021.998.895	153.021.998.895	-	177.001.952.052	177.001.952.052	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.4 Phải thu khách hàng

	31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
a. Ngắn hạn	144.885.186.667	137.332.164.960
Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	64.374.573.169	55.542.222.650
Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	39.085.983.654	34.569.337.248
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	28.677.110.000	28.677.110.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.747.519.844	18.543.495.062
b. Dài hạn	-	-
Cộng	144.885.186.667	137.332.164.960
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	Quan hệ	31/12/2015 (VND)
Công ty CP VLXD & KĐTH - VVMI	Công ty con	130.436.625
Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	Công ty con	64.374.573.169
Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Công ty con	39.085.983.654
Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Công ty con	247.596.800
Công ty CP SX & KĐVTB - VVMI	Công ty con	27.500.000
Công ty xây dựng mỏ Hàm Lò 2	Cùng Tập đoàn	2.502.804.846
Công ty Nhiệt điện Na Dương - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	280.073.617
Công ty KV và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	3.259.740.258
Công ty cổ phần Giám định - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	746.937
Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ	Cùng Tập đoàn	148.483.625
Công ty CP Than Hà Lâm Vinacomin	Cùng Tập đoàn	496.148.620
Công ty CP Than Tây Nam đá mài- Vinacomin	Cùng Tập đoàn	445.555.824
Công ty Luyện đồng Lào Cai	Cùng Tập đoàn	363.000.000
Tập đoàn CN Than - khoáng sản Việt Nam	Công ty mẹ	2.560.620.004
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cùng Tập đoàn	28.677.110.000
Cộng		142.600.373.979

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.5 Phải thu khác

	31/12/2015 (VND)		01/10/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	44.277.281.539		37.671.660.929	
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	1.236.999.800	-
Phải thu về cổ tức	8.483.910.000	-	5.320.725.000	-
Lãi ký quỹ	659.900.368	-	1.062.565.575	-
Phải thu người lao động	493.485.970	-	672.321.575	-
Phải thu cơ quan bảo hiểm	3.591.603.809	-	1.096.335.089	-
Tiền bồi thường vật chất	126.000.041	-	757.729.580	-
Phải thu các công ty cổ phần	16.223.526.090	-	12.307.955.359	-
Quỹ văn hóa xã hội thể thao	403.817.949	-	570.247.080	-
Tạm ứng	404.178.000	-	556.623.250	-
Ký cược, ký quỹ	12.749.397.861	-	12.739.728.993	-
Cho mượn	2.600.000	-	95.357.835	-
Phải thu khác	1.138.861.451	-	1.255.071.793	-
b. Dài hạn	73.908.650.638	-	72.958.547.438	-
Ký cược, ký quỹ	41.763.017.767	-	40.832.914.567	-
Góp vốn DA 33 Trảng Thi (*)	32.125.632.871	-	32.125.632.871	-
Phải thu khác	20.000.000	-	-	-
Cộng	118.185.932.177	-	110.630.208.367	-

c. Phải thu khác là các bên liên quan

	Quan hệ	31/12/2015 (VND)
Công ty CP VLXD & KDTH - VVMI	Công ty con	682.992.904
Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	Công ty con	93.626.000
Công ty CP Xi măng Quán triêu - VVMI	Công ty con	11.789.661.025
Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Công ty con	1.357.047.361
Công ty CP cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Công ty con	21.235.897
Công ty CP KS Thái Nguyên - VVMI	Công ty con	71.284.132
Công ty CP SX & KDVTB - VVMI	Công ty con	2.207.678.771

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

	Quan hệ	31/12/2015 (VND)
Tập đoàn CN Than - khoáng sản Việt Nam	Công ty mẹ	3.087.636.219
Công ty XNK than – Vinacomin (*)	Cùng Tập đoàn	32.125.632.871
Phải thu cổ tức các khoản đầu tư vào cty con		8.483.910.000
<i>Công ty CP VLXD & KDTH - VVMI</i>	<i>Công ty con</i>	<i>459.000.000</i>
<i>Công ty CP cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI</i>	<i>Công ty con</i>	<i>459.000.000</i>
<i>Công ty CP SX & KDVTB - VVMI</i>	<i>Công ty con</i>	<i>459.000.000</i>
<i>Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI</i>	<i>Công ty con</i>	<i>6.165.960.000</i>
<i>Công ty CP KS Thái Nguyên - VVMI</i>	<i>Công ty con</i>	<i>114.750.000</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và xây dựng - VVMI</i>	<i>Công ty con</i>	<i>367.200.000</i>
<i>Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI</i>	<i>Công ty con</i>	<i>459.000.000</i>
Cộng		<u>59.920.705.180</u>

(*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng Văn phòng cho thuê tại 33 Tràng Thi (Hợp đồng BCC). Dự án đã xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động cho thuê văn phòng nhưng chưa được quyết toán vốn đầu tư.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015 (VND)		01/10/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.690.832.049	-	23.868.220.918	-
Công cụ, dụng cụ	364.416.276	-	475.457.841	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.936.376.521	-	66.696.428.248	-
Thành phẩm	7.234.203.673	-	60.066.515.395	-
Hàng hoá	76.581.102.819	-	14.047.257	-
Cộng	160.806.931.338	-	151.120.669.659	-

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015 (VND)		01/10/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	101.759.255.185	-	48.273.667.190	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>101.759.255.185</i>	-	<i>48.273.667.190</i>	-
Khai thác than hầm lò	2.819.679.209	-	-	-
Trụ sở HDND-UBND xã phúc hà - Đền bù GPMB phục vụ đồ thái GD II)	16.245.696.081	-	-	-
Tái định cư Tân Long	15.110.543.599	-	11.601.502.080	-
Đền bù GPMB mở rộng khai trường sx và bãi đồ thái GD I	31.492.337.642	-	8.441.042.646	-
Đền bù GPMB mở rộng khai trường sx và bãi đồ thái GD 2010-2020	3.511.952.679	-	3.505.966.435	-
Dự án khai thác hầm lò ría moong Khánh Hoà	13.885.618.996	-	9.861.854.636	-
Các dự án khác	18.693.426.979	-	14.863.301.393	-
Cộng	101.759.255.185	-	48.273.667.190	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

1344
CÔNG
CH NHIỆ
PH
VIỆT
XUÂN

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.8 Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	325.944.503.428	532.658.185.288	604.058.887.686	55.545.682.271	9.463.209.470	1.527.670.468.143
- Mua trong năm	-	783.181.812	1.058.636.365	66.363.636	-	1.908.181.813
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(380.780.000)	-	-	(380.780.000)
- Giảm khác	(4.040.384.390)	(1.801.052.858)	(34.095.924.869)	(297.219.060)	(485.800.000)	(40.720.381.177)
Số dư cuối năm	321.904.119.038	531.640.314.242	570.640.819.182	55.314.826.847	8.977.409.470	1.488.477.488.779
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	197.580.488.193	314.390.440.251	407.355.170.585	44.661.505.377	4.202.100.234	968.189.704.640
- Khấu hao trong năm	8.877.924.489	16.743.459.607	15.342.913.675	674.906.785	356.216.295	41.995.420.851
- Hao mòn	1.829.635.923	-	56.223.017	-	-	1.885.858.940
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(306.534.724)	-	-	(306.534.724)
- Giảm khác	(4.040.384.390)	(1.801.052.858)	(34.061.751.112)	(297.219.060)	(485.800.000)	(40.686.207.420)
Số dư cuối năm	204.247.664.215	329.332.847.000	388.386.021.441	45.039.193.102	4.072.516.529	971.078.242.287
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	128.364.015.235	218.267.745.037	196.703.717.101	10.884.176.894	5.261.109.236	559.480.763.503
Tại ngày cuối năm	117.656.454.823	202.307.467.242	182.254.797.741	10.275.633.745	4.904.892.941	517.399.246.492
Trong đó: - Thẻ chấp, cầm cố						
- Đã KH hết, đang sử dụng						
- Chờ bán giao cho địa phương quản lý (GTCL: 0)						1.254.826.399

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.9 Tăng giảm Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	7.133.247.586	287.700.000	57.800.000	444.287.790	7.923.035.376
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.133.247.586	287.700.000	57.800.000	444.287.790	7.923.035.376
GIÁ TRỊ HAO MÓN					
Số dư đầu năm	210.507.786	287.700.000	16.055.553	444.287.790	958.551.129
- Khấu hao trong năm	53.251.845	-	4.816.668	-	58.068.513
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	263.759.631	287.700.000	20.872.221	444.287.790	1.016.619.642
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	6.922.739.800	-	41.744.447	-	6.964.484.247
Tại ngày cuối năm	6.869.487.955	-	36.927.779	-	6.906.415.734

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
Ngắn hạn	1.161.296.732	4.155.851.146
Chi phí thuê xe	381.243.068	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	178.228.924	2.243.968.265
Chi phí bảo hiểm	256.829.036	423.044.161
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	1.443.972.256
Các khoản khác	344.995.704	44.866.464
Dài hạn	325.185.919.998	377.546.233.987
Công cụ dụng cụ dùng nhiều năm	5.673.834.150	6.474.079.045
Sửa chữa lớn TSCĐ	35.245.093.372	41.527.211.545
Phí sử dụng tài liệu	23.838.298.583	-
Quyền khai thác khoáng sản	17.433.551.472	14.703.784.909
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	242.147.414.534	289.916.384.367
Các khoản khác	847.727.887	24.924.774.121
Cộng	326.347.216.730	381.702.085.133



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

	01/10/2015 (VND)		Giảm trong năm	Tăng trong năm	31/12/2015 (VND)	
	Giá trị	Giá trị			Khả năng trả nợ	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	283.672.000.353	283.672.000.353		64.913.716.556	116.029.635.775	232.556.081.134
Vay dài hạn	623.961.054.305	623.961.054.305		22.445.692.158	83.187.665.362	563.219.081.101
Cộng	907.633.054.658	907.633.054.658		87.359.408.714	199.217.301.137	795.775.162.235

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán: 0

Chi tiết các khoản vay với các bên liên quan: Vay Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

	01/10/2015 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	105.314.338.103	105.314.338.103		-	59.592.159.663	59.592.159.663
Vay dài hạn	299.152.402.105	299.152.402.105	138.399.147	49.906.801.986	249.383.999.266	249.383.999.266
Cộng	404.466.740.208	404.466.740.208	138.399.147	95.628.980.426	308.976.158.929	308.976.158.929

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2015 (VND)		01/10/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	78.959.870.115	78.959.870.115	76.393.404.439	76.393.404.439
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% tổng số phải trả	28.376.541.278	28.376.541.278	32.947.295.817	32.947.295.817
<i>Shengang San Yutian International trading</i>	24.368.963.220	24.368.963.220	24.336.528.930	24.336.528.930
<i>Công ty TNHH Hoàng Mâm</i>	4.007.578.058	4.007.578.058	8.610.766.887	8.610.766.887
Phải trả các đối tượng khác	50.583.328.837	50.583.328.837	43.446.108.622	43.446.108.622
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	78.959.870.115	78.959.870.115	76.393.404.439	76.393.404.439

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Số dư các khoản phải trả người bán là các bên liên quan tại 31/12/2015:

	31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng - VVMI	1.572.387.966	581.558.672
Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên VVMI	180.868.100	5.022.000
Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	181.377.944	3.270.374.762
Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	297.000.000	297.000.000
Cty CP cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	-	50.440.500
Công ty CP sản xuất và kinh doanh VTTB	46.816.000	581.558.672
Công ty vật tư Hóa chất mỏ Hà Nội	138.075.300	-
Công ty TNHH MTV CNHC mỏ Việt Bắc - Micco	3.883.939.754	1.161.707.041
Công ty TNHH một thành viên Môi Trường -TKV	2.264.731.092	-
Viện khoa học công nghệ mỏ	1.555.548.939	864.520.216
Công ty xây dựng mỏ Hàm Lò 2	4.650.010.469	-
Công ty CP tin học CN môi trường Vinacomin	1.001.895.042	373.096.410
Công ty CP giám định - Vinacomin	138.495.279	852.113.637
Xí nghiệp thiết kế than Hòn Gai	356.203.473	-
Ban Quản lý dự án Than VN	-	362.623.308
Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc	-	1.933.012.944
Công ty CP du lịch và thương mại - Vinacomin	-	108.900.000
Trường Cao đẳng nghề than Khoáng sản VN	1.092.398.873	329.343.000
Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	499.290.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu mỏ Việt Bắc	86.487.775	899.214.800
Công ty Nhiệt Điện Cao Ngạn - Vinacomin	25.137.189	23.100.308
Trung Tâm an toàn mỏ	241.605.530	-
Công ty Cổ phần Vật tư-TKV	199.976.150	-
XN xử lý nước thải Uông Bí	507.550.208	40.508.996
Công ty than Vàng Danh-VINACOMIN	6.314.000	-
Công ty cổ phần VLXD và KDTH -VVMI	23.100.000	23.100.000
Công ty tư vấn Quản lý dự án -VINACOMIN	139.970.190	-
Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	-	70.180.000
Cộng	18.589.889.273	12.326.665.266

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.13 Thuế

	01/10/2015 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015 (VND)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.170.733.879	21.381.208.371	17.526.333.402	6.025.608.848
Thuế thu nhập cá nhân	137.885.480	80.859.600	151.108.496	67.636.584
Thuế tài nguyên	10.138.103.910	50.413.202.758	38.745.571.128	21.805.735.540
Thuế đất và tiền thuế đất	145.464.258	2.788.140.889	447.847.278	2.485.757.869
Các loại thuế khác	506.200	1.014.800	1.175.200	345.800
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	546.664.000	10.328.621.477	8.612.361.777	2.262.923.700
Cộng	13.139.357.727	84.993.047.895	65.484.397.281	32.648.008.341
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	6.627.436.105	6.627.436.105	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.521.453.169	1.292.545.725	-	17.228.907.444
Thuế thu nhập cá nhân	357.990.596	357.990.596	-	-
Thuế đất và tiền thuế đất	249.681.860	249.681.860	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	390.047.903	390.047.903	-	-
Cộng	26.146.609.633	8.917.702.189	-	17.228.907.444

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Ngắn hạn	11.828.389.601	27.448.305.253
Chi phí lãi vay	1.046.870.790	18.814.899.691
Trích trước tiền thuê đất	6.035.255.044	4.329.341.008
Quyền khai thác khoáng sản, phí sử dụng tài liệu	49.788.437	-
Chi phí sàng tuyển than thành phẩm phải trả	3.916.598.936	3.916.598.820
Chi phí phải trả khác	779.876.394	387.465.734
Dài hạn	-	-
Cộng	11.828.389.601	27.448.305.253

5.15 Phải trả khác

	31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	518.484.436	720.426.280
Bảo hiểm xã hội	46.743.816	659.452
Bảo hiểm y tế	4.520.821	-
Đoàn phí công đoàn	304.532.803	172.200.868
Quỹ Văn Hoá xã hội	412.056.484	253.036.484
Hỗ trợ đền bù	59.315.335	894.159.975
Đền bù khối 3 TK III- Dự án cải tạo mở rộng mỏ Núi Hồng	834.844.640	-
Quỹ hỗ trợ	186.400.000	194.650.000
Ứng hộ đồng bào bão lụt	3.216.000	-
Phụ cấp HĐQT và BKS tại Công ty mẹ	102.600.000	-
Kinh phí Đảng	241.901.699	74.342.616
Phải trả theo biên bản xác định giá trị DN	1.209.319.982	1.209.319.982
Kinh phí công đoàn thu hộ	502.590	313.502.590
Phụ cấp HĐQT và BKS tại các Công ty con	1.106.951.171	415.145.853
Thù lao viên chức quản lý	205.960.500	121.396.500
Lỗ Dự án VP 33 Trảng Thi (Coalimex)	2.048.768.679	7.528.483.596
Tiền thu từ bán cổ phần	-	12.728.828.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.385.375.027	2.548.518.350
Cộng	8.671.493.983	27.174.670.546

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

	31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
Dài hạn	-	-
Cộng	8.671.493.983	27.174.670.546
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
5.16 Doanh thu chưa thực hiện		
	31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu chưa thực hiện	-	116.253.000
Cộng	-	116.253.000
Dài hạn	-	-
Cộng	-	116.253.000
Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-
5.17 Dự phòng phải trả		
	31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
Ngắn hạn	34.861.474.922	28.668.771.163
Dự phòng phí sử dụng tài liệu	604.242.663	604.242.663
Dự phòng quyền khai thác khoáng sản	28.064.528.500	28.064.528.500
Dự phòng phí cấp quyền khai thác KS	6.192.703.759	-
Dài hạn	-	-
Cộng	34.861.474.922	28.668.771.163

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ SH		Quỹ đầu tư phát triển		CL đánh giá lại tài sản		CL tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	663.335.363.838	-	-	-	-	-	-	-	-	-	663.335.363.838	-
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	1.435.851.916	-	1.435.851.916	-
Tăng khác	-	-	-	309.157.202.495	-	-	-	-	-	-	309.157.202.495	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(1.209.319.981)	-	-	(4.372.174.876)	-	-	-	-	(1.435.851.916)	-	(7.017.346.773)	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	662.126.043.857	-	-	304.785.027.619	-	-	-	-	-	-	966.911.071.476	-
Tăng vốn trong năm nay	387.873.956.143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	387.873.956.143	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	4.855.682.384	-	4.855.682.384	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	218.125.988	-	-	-	218.125.988	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	(304.785.027.619)	-	-	-	-	-	-	(304.785.027.619)	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(218.125.988)	-	-	-	(218.125.988)	-
Số dư cuối năm nay	1.050.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	4.855.682.384	-	1.054.855.682.384	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 (VND)	01/10/2015 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	1.031.157.000.000	662.126.043.857
Vốn góp của các đối tượng khác	18.843.000.000	-
Cộng	1.050.000.000.000	662.126.043.857

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	662.126.043.857	663.335.363.838
Vốn góp tăng trong năm	387.873.956.143	-
Vốn góp giảm trong năm	-	(1.209.319.981)
Vốn góp cuối năm	1.050.000.000.000	662.126.043.857
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	105.000.000
Cổ phiếu phổ thông	105.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	
Cổ phiếu phổ thông	105.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND

Cổ tức

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

5.19 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

	<u>31/12/2015</u> <u>(VND)</u>	<u>01/10/2015</u> <u>(VND)</u>
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*)	-	304.785.027.619

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản giảm so với số tại ngày 01/10/2015 là do Công ty mẹ tăng vốn của nhà nước theo Công văn số 6486/TKV-KT ngày 31/12/2015 của Tập đoàn.

5.20 Nguồn kinh phí

	<u>Từ 01/10/2015</u> <u>đến 31/12/2015</u> <u>(VND)</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/09/2015</u> <u>(VND)</u>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	3.139.321.040	74.890.700
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.358.750.000	16.481.512.500
Chi sự nghiệp	5.423.180.340	13.417.082.160
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	74.890.700	3.139.321.040

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/10/2015</u>
Ngoại tệ các loại		
USD	4.942,08	4.746,43
Cộng	<u>4.942,08</u>	<u>4.746,43</u>

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	528.311.048.199	1.237.273.007.318
Doanh thu bán hàng	483.864.246.989	1.049.893.666.083
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.608.179.687	26.042.595.658
Doanh thu khác	29.838.621.523	161.336.745.577

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan:

	Quan hệ	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 VND
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty mẹ	(3.907.173.839)
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả	Cùng Tập đoàn	468.724.746.633
Công ty CP XNK than	Cùng Tập đoàn	2.234.045.661
Công ty Than Tây Nam Đá Mài	Cùng Tập đoàn	9.705.430.250
Công ty XD Hàm lò II	Cùng Tập đoàn	2.275.277.133
Công ty Nhiệt điện Na Dương	Cùng Tập đoàn	84.603.732
Công ty CP ĐTTM và dịch vụ	Cùng Tập đoàn	90.314.830
Công ty TNHH MTV Môi trường	Cùng Tập đoàn	166.139.571
Công ty CP XNK mỏ Việt Bắc	Công ty liên kết	290.519.000
Công ty CP vật liệu xây dựng - VVMI	Công ty con	204.200.500
Công ty xi măng Quán Triều	Công ty con	16.076.586.788
Công ty CP cơ khí và thiết bị Áp Lực	Công ty con	63.207.544
Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc	Công ty con	403.759.896
Công ty xi măng Tân Quang	Công ty con	16.930.969.900
Công ty CP SXKD vật tư thiết bị	Công ty con	25.000.000
Cộng		513.367.627.599

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Doanh thu bán hàng	360.072.496.985	846.191.268.577
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.972.109.527	21.252.221.574
Doanh thu khác	27.609.507.723	160.469.048.202
Cộng	398.654.114.235	1.027.912.538.353

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.911.002.553	7.079.086.500
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	628.476.706
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.253.185.000	5.381.804.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	807.701.022	1.011.839.890
Doanh thu hoạt động tài chính khác	94.676.301	5.670.747.343
Cộng	6.066.564.876	19.771.954.439

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan:

	Quan hệ	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 VND
Công ty CP xi măng Tân Quang - VVMI	Công ty con	392.931.244
Công ty CP xi măng Quán Triều - VVMI	Công ty con	416.162.556
Cộng		809.093.800

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Lãi tiền vay	20.138.770.960	63.081.145.243
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	35.189.289.016	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	387.263.822
Chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn so với định giá	-	16.578.603.737
Cộng	55.328.059.976	80.047.012.802

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Chi tiết chi phí tài chính phát sinh với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)
Lãi tiền vay		8.042.371.810
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty mẹ	8.042.371.810
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính		35.189.289.016
Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	Công ty con	19.466.000.000
Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Công ty con	
Công ty CP Than Điện Nông Sơn - TKV	Cùng Tập đoàn	10.534.000.000
Cộng		43.231.660.826

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	6.754.724	381.781.817
Thuế được giảm	-	885.036.000
Thu nhập từ đền bù đường sắt Quán Triều, Núi Hồng	1.758.500.000	12.861.000.000
Tiền hỗ trợ vận chuyển	880.434.783	-
Thu nhập khác	11.096.826	1.225.313.416
Cộng	2.656.786.333	15.353.131.233

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Bồi thường vật chất	592.908.229	-
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	1.747.365.390	1.185.869.769
Chi phí khác	83.853.041	844.117.584
Cộng	2.424.126.660	2.029.987.353

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý Doanh nghiệp

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.645.294.760	115.836.624.405
Chi phí nhân viên	21.958.659.755	45.459.372.166
Các khoản khác	35.686.635.005	70.377.252.239
b. Chi phí bán hàng	16.834.575.668	45.136.078.161
Chi phí nhân viên	7.667.518.260	11.860.263.812
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.937.339.896	10.516.072.365
Các khoản khác	4.229.717.512	22.759.741.984
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	74.479.870.428	160.972.702.566

6.8 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.292.545.725	-
- <i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	6.148.228.109	1.435.851.916
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN</i>	3.225.599.272	3.525.936.678
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN</i>	3.498.619.542	5.381.804.000
- <i>Tổng thu nhập chịu thuế</i>	5.875.207.839	(420.015.406)
- <i>Chuyển lỗ năm trước</i>	-	-
- <i>Thu nhập tính thuế</i>	5.875.207.839	-
- <i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	22%	22%
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	1.292.545.725	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	1.292.545.725	-

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	131.433.721.582	344.455.870.709
Chi phí nhân công	87.894.815.348	171.882.414.887
Chi phí khấu hao TSCĐ	42.011.057.439	93.277.177.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.569.011.326	148.681.463.167
Chi phí khác bằng tiền	152.949.109.781	420.159.725.244
Cộng	475.857.715.476	1.178.456.651.637

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)
1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:	
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	68.509.464.106
2 Số tiền đi vay thực thu trong năm	
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	64.889.904.746
3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	176.747.797.169

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Tổng công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng công ty.

Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch vay, trả nợ gốc vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Tổng công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Tổng công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tổng công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Tiền gửi ngân hàng

Tổng công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng công ty theo chính sách của Tổng công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Tổng công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2015			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.572.464.745	-	31.572.464.745
Phải thu khách hàng	144.885.186.667	-	144.885.186.667
Đầu tư	-	519.387.328.990	519.387.328.990
Phải thu khác	44.277.281.539	73.908.650.638	118.185.932.177
Tài sản tài chính khác	182.405.654.974	16.240.894.964	198.646.549.938
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(35.189.289.016)	(35.189.289.016)
Tổng cộng	403.140.587.925	574.347.585.576	977.488.173.501
Ngày 31/12/2015			
Các khoản vay và nợ	232.556.081.134	563.219.081.101	795.775.162.235
Phải trả người bán	78.959.870.115	-	78.959.870.115
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	155.135.589.735	-	155.135.589.735
Tổng cộng	466.651.540.984	563.219.081.101	1.029.870.622.085
Chênh lệch thanh khoản thuần	(63.510.953.059)	15.939.026.475	(52.382.448.584)

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Ngày 01/10/2015**Giá trị ghi sổ:**

Tiền và các khoản tương đương tiền	75.248.590.590	-	75.248.590.590
Phải thu khách hàng	137.332.164.960	-	137.332.164.960
Đầu tư	-	519.387.328.990	519.387.328.990
Phải thu khác	164.118.367.508	72.958.547.438	237.076.914.946
Tài sản tài chính khác	236.421.864.816	12.883.584.544	249.305.449.360

Trừ:

Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	613.120.987.874	605.229.460.972	1.218.350.448.846

Ngày 01/10/2015

Các khoản vay và nợ	283.672.000.353	623.961.054.305	907.633.054.658
Phải trả người bán	76.393.404.439	-	76.393.404.439
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	277.223.532.545	-	277.223.532.545
Tổng cộng	637.288.937.337	623.961.054.305	1.261.249.991.642
Chênh lệch thanh khoản thuần	(24.167.949.462)	(18.731.593.333)	(42.899.542.796)

Tổng công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/10/2015	31/12/2015	01/10/2015
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	519.387.328.990	519.387.328.990	484.198.039.974	519.387.328.990
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng,</i>				
<i>phải thu khác</i>	263.071.118.844	374.409.079.906	263.071.118.844	374.409.079.906
<i>Tài sản tài chính khác</i>	198.646.549.938	249.305.449.360	198.646.549.938	249.305.449.360
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	31.572.464.745	75.248.590.590	31.572.464.745	75.248.590.590
Tổng cộng	1.012.677.462.517	1.218.350.448.846	977.488.173.501	1.218.350.448.846
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	795.775.162.235	907.633.054.658	795.775.162.235	907.633.054.658
<i>Phải trả người bán</i>	78.959.870.115	76.393.404.439	78.959.870.115	76.393.404.439
<i>Phải trả khác</i>	155.135.589.735	277.223.532.545	155.135.589.735	277.223.532.545
Tổng cộng	1.029.870.622.085	1.261.249.991.642	1.029.870.622.085	1.261.249.991.642

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2015 và ngày 01/10/2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

44064
CÔNG T
NHIỆM H
PKF
ỆT NA
UÂN

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

8.2 Báo cáo bộ phận

Công ty mẹ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu than, Doanh thu kinh doanh dịch vụ và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Than VND	Kinh doanh dịch vụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<u>Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015</u>				
Doanh thu	1.049.893.666.083	26.042.595.658	161.336.745.577	1.237.273.007.318
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	846.191.268.577	21.252.221.574	160.469.048.202	1.027.912.538.353
Lợi nhuận gộp	203.702.397.506	4.790.374.084	867.697.375	209.360.468.965
<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>				
Doanh thu	466.440.238.432	14.608.179.687	47.262.630.080	528.311.048.199
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	345.989.441.362	10.972.109.527	41.692.563.346	398.654.114.235
Lợi nhuận gộp	120.450.797.070	3.636.070.160	5.570.066.734	129.656.933.964

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ chỉ phát sinh tại khu vực Thái Nguyên, Lạng Sơn nên Công ty mẹ không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty mẹ.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	407.883.698
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	102.600.000
Tổng cộng	510.483.698

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ngày 28/01/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cũng cho rằng, ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào cần phải công bố hoặc có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã kiểm toán của Tổng công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/09/2015 của Công ty mẹ - Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Hạnh

Lương Xuân Quang

Trần Hải Bình